

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/ST-KDTM  
Ngày 04 tháng 4 năm 2017  
*V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Oánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Thúy

2. Ông Hồ Lê Hưng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 55/2016/TLST – KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST - KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST – KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2017 giữa:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần G,

Địa chỉ: Đ, Phường S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T,

Địa chỉ: Phòng A, số L, Phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: 113 H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện theo pháp luật: Ông V (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty cổ phần G có bà T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn Công ty cổ phần phân phối thiết bị điện KTG (Công ty KTG) và bị đơn Công ty Cổ phần S (công ty S) ký hợp đồng hợp đồng phân phối ngày

01/12/2015 theo đó bị đơn là nhà phân phối sản phẩm của nguyên đơn, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2016.

Trong quá trình mua hàng, công ty S không thanh toán tiền hàng đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Theo biên bản làm việc ngày 30/6/2016 về xác định số nợ do hai bên ký xác nhận thì tính đến ngày 17/5/2016 công ty S còn nợ số tiền mua hàng là 193.187.540 đồng.

Nay Công ty G yêu cầu công ty S phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 193.187.540 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/11/2016 là 13.040.158 đồng, tổng cộng 206.227.698 đồng

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận đi công tác và tại nội dung trình bày của đơn xin xét xử vắng mặt thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công ty S phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 193.187.540 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/11/2016 là 13.040.158 đồng, tổng cộng 206.227.698 đồng, cụ thể:

Tiền hàng còn thiếu là 193.187.540 đồng; Lãi chậm trả tính từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/11/2016 là  $193.187.540 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 9\%/\text{năm} \times 150\% = 13.040.158 \text{ đồng}$ ).

- Bị đơn Công ty S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa lần 1 vào ngày 09/3/2017 và lần 02 ngày 04/4/2017 nhưng bị đơn Công ty S có người đại diện theo pháp luật là ông V đều vắng mặt không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên Tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 305 và Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty G. Công ty S có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 206.227.698 đồng (gốc là 193.187.540 đồng và tiền lãi phát sinh là 13.040.158 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2016 của Công ty G khởi kiện Công ty S yêu cầu thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng được ký kết ngày 01/12/2015 là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặt khác, bị đơn Công ty G có trụ sở tại số 113 H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào “Hợp đồng phân phối ngày 01/12/2015 giữa Công ty G và Công ty S” thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: Công ty G tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, Công ty S với tư cách là bị đơn trong vụ án.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, Công ty G có bà T đại diện theo ủy quyền và bị đơn Công ty S do người đại diện theo pháp luật là ông V xác định tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/12/2016 về việc yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, Điều 208. khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

\* Xét yêu cầu của Công ty G yêu cầu Công ty S phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 193.187.540 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/11/2016 là 13.040.158 đồng, tổng cộng 206.227.698 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào “Hợp đồng phân phối ngày 01/12/2015 giữa Công ty G và Công ty S” và “Biên bản làm việc ngày 30/6/2016 giữa Công ty G và Công ty S” thì phía Công ty S xác nhận còn nợ Công ty G số tiền 193.187.540 đồng.

Bị đơn đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật về tố tụng.;

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2016 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn Công ty G tính tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2016 đến ngày

15/11/2016 là:  $193.187.540 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 9\%/năm \times 150\% = 13.040.158 \text{ đồng}$ .

Nhận thấy, tại thời điểm này thì mức lãi suất cơ bản được quy định theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm là có cơ sở và phù hợp với Điều 305, 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nên được chấp nhận.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “*Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết*”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn Công ty G yêu cầu Công ty S phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 193.187.540 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/11/2016 là 13.040.158 đồng, tổng cộng 206.227.698 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời, bị đơn chiếm giữ số tiền nêu trên là gây thiệt hại cho nguyên đơn nên quyết định buộc bị đơn phải thanh toán đủ một lần số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 285 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty S phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 193.187.540 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/11/2016 là 13.040.158 đồng, tổng cộng 206.227.698 đồng cho Công ty G theo quy định tại Điều 305, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại 2005 là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

3. Về án phí: Theo qui định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Công ty S phải chịu án phí là  $206.227.698 \text{ đồng} \times 5\% = 10.311.385 \text{ đồng}$ .

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Công ty G.

*Vì các lẽ trên :*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 96; khoản 1 Điều 131; Điều 227, Điều 238; 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 305 và Điều 438 Bộ Luật Dân Sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 688 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/ UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 về án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty S phải trả cho Công ty G số tiền mua hàng là 193.187.540 đồng và tiền lãi là 13.040.158 đồng, tổng cộng 206.227.698 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu, hai trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm chín mươi tám đồng), ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành không thanh toán thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Buộc Công ty S phải chịu án phí là 10.311.385 (mười triệu, ba trăm mười một ngàn, ba trăm tám mươi) đồng.

2.2. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 5.156.000 (năm triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn) đồng cho Công ty G theo biên lai thu tiền số 0025242 ngày 26/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Ngọc Oánh**